

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐẠI YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 183/UBND

V/v báo cáo đề nghị phân bổ dự
toán ngân sách năm 2023

Đại Yên, ngày 03 tháng 11 năm 2022

Kính gửi: Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố Hạ Long.

Thực hiện Công văn số 836/TCKH ngày 25/10/2022 của Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố Hạ Long về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2023.

UBND phường Đại Yên tổng hợp các chỉ tiêu đề nghị phân bổ dự toán ngân sách năm 2023 và sao gửi bảng thanh toán lương tháng 10/2022 và các giấy tờ minh chứng kèm theo báo cáo phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Hạ Long tổng hợp, tham mưu cho UBND thành phố./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (b/c);
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Bình Thiên

UBND PHƯỜNG ĐẠI YÊN

TỔNG HỢP ĐỀ NGHỊ PHÂN BỐ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023

TT	Nội dung	Đại Yên	Ghi chú
A	B	C	D
I	Lương		
1	Biên chế theo định mức	23	
2	Biên chế có mặt	22	
	Trong đó: Biên chế Đảng	2	
2.1	Hệ số lương người có mặt:	113,0	
	- Trong đó:		
	- Hệ số Lương cơ sở	70,5	
	- Phụ cấp lãnh đạo	2,7	
	- Phụ cấp thâm niên vượt khung	0,2	
	- Phụ cấp công vụ	18,3	
	- Đóng góp theo lương (22,5%)	16,5	
	- Phụ cấp kiêm nhiệm	3,5	
	- Phụ cấp kế toán	0,0	
	- Tăng lương định kỳ (tính bình quân 0,33x4 người)	1,3	
	- Phụ cấp khu vực	0,0	
	+ Mức theo quy định		
	- Phụ cấp lâu năm vùng đặc biệt KK	0,0	
	- Phụ cấp thu hút vùng ĐBKK	0,0	
2.2	Hệ số lương bình quân 1 tháng của tổng số người có mặt	114,7	
3	Hệ số lương, phụ cấp công vụ và các khoản đóng góp của số biên chế chờ	3,5	
4	Hệ số lương bình quân 1 tháng tính dự toán 202	118,1	
5	Dân số	0	
-	Số hộ khẩu	3.415	
	Thường trú	3.324	
	Tạm trú	91	
-	Số dân	10.980	
	Thường trú	10.731	
	Tạm trú	249	

	Số phường có từ 20.000 dân đến 30.000 dân; Xã có từ 10.000 dân đến 15.000 dân	0,0	
	Số phường có trên 30.000 dân; Xã có trên 15.000 dân	0,0	
II	Phụ cấp		
1	Phụ cấp trách nhiệm quản lý dân quân tự vệ		
	- Số lượng tiểu, khẩu đội trưởng	4	
	- Số lượng chính trị viên phó	1	
	- Số lượng trung ĐT bộ binh	0	
	- Số lượng thôn, khu ĐT	10	
	- Số lượng trung ĐT DQCD	1	
	- Số lượng Chỉ huy trưởng	1	
	- Số lượng chính trị viên	2	
	- Số lượng phó chỉ huy trưởng	2	
2	Phụ cấp thâm niên vượt khung dân quân (1 người)	0,200	
3	Phụ cấp đặc thù quốc phòng		
	- Phó chỉ huy trưởng	1,650	
	- Trung ĐT DQCD	0,100	
4	Số người hưởng phụ cấp trách nhiệm cấp ủy	15	
5	Số người HĐND cấp phường	20	
6	Trợ cấp hàng tháng hưu xã	10	
	- Số người nguyên là bí thư, chủ tịch xã	0	
	- Số người nguyên PBT, PCT, TTĐU, UVUBND, TKHĐND, TKUBND, xã đội trưởng	4	
	- Số người thuộc các chức danh khác còn lại	6	
7	Hỗ trợ hoạt động của Tổ trưởng tổ dân		
	- Số tổ dân	36	
8	Cán bộ trung tâm học tập cộng đồng		
	- Giám đốc	1	
	- Phó giám đốc	2	
9	Số lượng người mừng thọ tuổi 70, 75/2020	65	
	- Người tuổi 70	27	
	- Người tuổi 75	38	
10	Số lượng người tham gia đội trật tự đô thị	4	
11	Số đảng viên (bao gồm cả số đảng viên ở khu phố)	325	



	- Trong đó: Đảng phí được để lại quý IV/2019 (Bao gồm cả đảng phí để lại ở khu phố)	29.500.000	
12	Số lượng khu phố	10	
	Trong đó:		
-	Số thôn, khu phố loại 1	5	
-	Số thôn, khu phố loại 2	5	
-	Số thôn, khu phố loại 3	0	
-	Số thôn, khu phố đặc thù có từ 800 hộ dân trở lên	0	
-	Số thôn có từ 350 hộ dân trở lên	3	
13	Số tổ chức chính trị xã hội	5	
14	BHYT đại biểu không hưởng lương từ NS	2	
15	Lực lượng dân quân tự vệ		
	Theo Ban chỉ huy Qsự (trừ đội dân quân của Tp)	91	
16	Diện tích rừng giao quản lý		
18	Đảng viên nhận huy hiệu 40 năm tuổi đảng trở lên	74	
19	Số lượng đảng viên chi bộ, khu phố	325	
20	Số lượng công an bán viên theo NQ 57	0	
21	Số lượng đội trưởng đội dân phòng	10	
22	Số lượng đội phó đội dân phòng	10	
23	Số lượng đối tượng cai nghiện bắt buộc và tự nguyện tại cộng đồng	6	
	- Bắt buộc	3	
	- Tự nguyện	3	
24	Cán bộ theo dõi quản lý đối tượng cai nghiện tại cộng đồng	1	

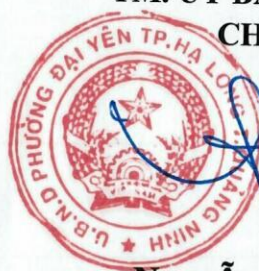
Đại Yên, ngày 02 tháng 11 năm 2022

KẾ TOÁN

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lã Thị Ninh



Nguyễn Bình Thiên

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG CÁN BỘ ĐẢNG - UBND - UBND - ĐOÀN THE

THÁNG 10 NĂM 2022

Biên chế được giao: 23 Biên chế có mặt : 20, Kiểm nhiệm 02 ĐVT : Đồng : LCB : 1.490.000 đồng

TT	Họ tên	Chức vụ	Hệ số		Tiền lương	PC kiểm nhiệm, TNQP, TN	PC công vụ (25%)	Tổng lương	Các khoản giảm trừ				Thực lnh	Ghi chú
			HS	HS CV					Trừ 9,5% BHXH, BHYT theo lương	Trừ 9,5% BHXH, BHYT theo PCCV	BHTN 1%	Công		
A	B	C	1	2	3=(1+2)*LCB	4	5=3*25%	6=3+4+5	7=3*8%	8=3*1,5%	9=3*1%	10=8+9	11=6-10	
1	Nguyễn Bình Thiên	BT Đảng-CT UBND	4,32	0,3	6.883.800	2.115.800	1.720.950	10.720.550	611.496	42.465		653.961	10.066.589	
2	Nguyễn Thành Trung	Phó bí thư DU	3,99	0,25	6.317.600		1.579.400	7.897.000	564.785	35.388		600.172	7.296.828	
	Công Đảng ủy:		8,31	0,55	13.201.400	2.115.800	3.300.350	18.617.550	1.176.281	77.853		1.254.133	17.363.416	
3	Nguyễn Huy Bình	CT HĐND-phó BT Đảng ủy	3,66	0,25	5.825.900	2.115.800	1.456.475	9.398.175	518.073	35.388		553.461	8.844.715	
4	Đinh Xuân Bền	PCT HĐND	3,99	0,2	6.243.100		1.560.775	7.803.875	564.785	28.310		593.095	7.210.780	
	Cộng HĐND:		7,65	0,45	12.069.000	2.115.800	3.017.250	17.202.050	1.082.858	63.698		1.146.555	16.055.495	
5	Nguyễn Duy Huỳnh	PCT UBND	3,66	0,2	5.751.400		1.437.850	7.189.250	518.073	28.310		546.383	6.642.867	
6	Phạm Hồng Hải	PCT UBND	4,65	0,2	7.226.500		1.806.625	9.033.125	658.208	28.310		686.518	8.346.608	
7	Bùi Thanh Tuấn	CH trưởng QS	3,06		4.559.400		1.139.850	5.699.250	433.143	-		433.143	5.266.107	
8	Là Thị Ninh	CC TC - KT	3,99		5.945.100		1.486.275	7.431.375	564.785	-		564.785	6.866.590	
9	Trần Đức Công	CC VP-TK	3,66		5.453.400		1.363.350	6.816.750	518.073	-		518.073	6.298.677	
10	Phạm Hoàng Giang	CC VH- XH	3,99		5.945.100		1.486.275	7.431.375	564.785	-		564.785	6.866.590	
11	Nguyễn Thị Hạnh	CC VH- XH	2,86		4.261.400		1.065.350	5.326.750	404.833	-		404.833	4.921.917	
12	Phạm Anh Dương	CC BC-XD-BT-MT	3,33		4.961.700		1.240.425	6.202.125	471.362	-		471.362	5.730.764	

Là Thị Ninh

KẾ TOÁN

Số tiền bằng chữ: Một trăm hai mươi chín triệu một trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi năm đồng.

TT	Họ tên	Chức vụ	Hệ số			Tiền lương	PC kiểm nhiệm, TNQP, TN	PC công vụ (25%)	Tổng lương	Trừ 9,5% BHXH, BHYT theo lương	Trừ 9,5% BHXH, BHYT theo PCCV	1% BHTN	Công	Thực lĩnh	Ghi chú
A	B	C	1	2	3=(1+2)*LCB	4	5=3*25%	6=3+4+5	7=3*8%	8=3*1,5%	9=3*1%	10=8+9	11=6-10		
13	Ngô Văn Bảy	CC BC-XD-BT-MT			4.470.000	1.117.500	5.587.500	424.650	-				424.650	5.162.850	
14	Nguyễn Văn Thường	CC BC-XD-BT-MT			5.453.400	1.363.350	6.816.750	518.073	-				518.073	6.298.677	
15	Nguyễn Trường Giang	CC TP-HT			4.470.000	1.117.500	5.587.500	424.650	-				424.650	5.162.850	
16	Phạm Thị Thu Huyền	CC TP-HT			3.978.300	994.575	4.972.875	377.939					377.939	4.594.937	
	Công UBND:			0,4	62.475.700	15.618.925	78.094.625	5.878.572	56.620				5.935.192	72.159.431	
17	Phạm Thảo Liên	Bí thư đoàn TN		0,15	3.710.100	927.525	4.637.625	331.227	21.233				352.460	4.285.166	
18	Trần Thị Yên	CT hội PN		0,15	5.185.200	1.296.300	6.481.500	471.362	21.233				492.594	5.988.906	
19	Bùi Mạnh Khương	CT hội CCB		0,15	6.272.900	1.568.225	7.841.125	574.693	21.233				595.926	7.245.199	
20	Phạm T Hồng Nhân	CT UBMTTQ		0,2	5.259.700	1.314.925	6.574.625	471.362	28.310				499.672	6.074.953	
	Công đoàn thể:			0,4	20.427.900	5.106.975	25.534.875	1.848.643	92.008				1.940.651	23.594.224	
	Tổng công:			99,02	108.174.000	4.231.600	27.043.500	139.449.100	9.986.353	290.178	-		10.276.530	129.172.565	

Ngày 11 tháng 10 năm 2022
 TM. UBND PHƯỜNG ĐẠI YÊN
 CHỦ TỊCH
 Nguyễn Bình Thiên

GIẤY RÚT DƯ TOÀN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Thực chi ☒ Tạm ứng ☐
Chuyển khoản ☒ Tiền mặt tại KB ☐ Tiền mặt tại NH ☐

Đơn vị rút dư toàn: Ủy ban nhân dân phường Đại Yên
Tài khoản: 9523.4.1077464
Tên CTMT, DA:
Mã CTMT, DA:
Số CKC, HDK:

Số CKC, HĐTH:

Nội dung thanh toán					Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành	Mã nguồn	Số tiền
(1)					(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Lương căn bản HĐND tháng 10/2022					6001	802	341	13	10.315.643
Phụ cấp chức vụ CB HĐND tháng 10/2022					6101	802	341	13	606.802
Phụ cấp công vụ căn bản HĐND tháng 10/2022					6124	802	341	13	606.802
Lương căn bản, công chức UBND tháng 10/2022					6001	805	341	13	3.017.250
Phụ cấp chức vụ CB UBND tháng 10/2022					6101	805	341	13	56.001.125
Phụ cấp công vụ CB, CC UBND tháng 10/2022					6124	805	341	13	539.380
Phụ cấp Bí thư ĐU kiêm nhiệm chủ tịch UBND phường tháng 10/2022					6149	805	341	13	15.618.925
Phụ cấp kiêm nhiệm công tác tuyên truyền cấp ủy tháng 10/2022					6149	805	341	13	2.115.800
Công tác phí khoán tháng 09/2022					6704	805	341	13	745.000
Lương căn bản Đảng ủy tháng 10/2022					6001	819	351	13	6.100.000
Phụ cấp chức vụ CB Đảng ủy tháng 10/2022					6101	819	351	13	11.205.620
Phụ cấp ủy viên BCH đảng ủy tháng 10/2022					6123	819	351	13	741.648
Phụ cấp công vụ căn bản Đảng ủy tháng 10/2022					6124	819	351	13	5.364.000
Phụ cấp kiêm nhiệm Văn phòng Đảng ủy tháng 10/2022					6149	819	351	13	3.300.350
Phụ cấp Phó bí thư Đảng ủy kiêm chủ tịch HĐND phường tháng 10/2022					6149	819	351	13	745.000
Tổng cộng									118.532.343

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Một trăm mười tám triệu năm trăm ba mươi hai nghìn ba trăm bốn mươi ba đồng chẵn./.

Đơn vị nhận tiền: UBND PHƯỜNG ĐẠI YÊN

Địa chỉ: Tổ 2 - Khu Đại Đoàn - Phường Đại Yên - TP Hà Long - QN

Tại KBNN (NH): Hội sở Techcombank

Nơi cấp:

Cấp ngày:

Số CMND:

Hoặc người nhận tiền:

Tài khoản: 19030562168017

Ngày...tháng...năm ...
Người nhận tiền
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 12 tháng 10 năm 2022
Kê toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 13 tháng 10 năm 2022
Kê toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
Thủ trưởng đơn vị

KHO BÁC NHÀ NƯỚC
Ngày 13 tháng 10 năm 2022
Kê toán trưởng

Thủ quy

Kê toán

Nguyễn Đăng Linh
Người ký: Nguyễn Đăng Linh
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh
Ngày ký: 13/10/2022 08:14:10

Giám đốc
Nguyễn Đình Thiên
Người ký: Lê Thị Hồng Vân
Chức danh: Phó giám đốc
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh
Ngày ký: 13/10/2022 08:07:03

GIẤY RÚT DƯ TOÀN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Thực chi ☒ Tạm ứng ☐
Chuyển khoản ☒ Tiền mặt tại KB ☐ Tiền mặt tại NH ☐

Đơn vị rút dư toàn: Ủy ban nhân dân phường Đại Yên
Tài khoản: 9523.4.1077464
Tên CTMT, DA:
Mã CTMT, DA:

Số CKC, HDK:

Số CKC, HĐTH:

Nội dung thanh toán		Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành	Mã nguồn	Số tiền
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Lương cán bộ Đoàn thanh niên tháng 10/2022		6001	811	361	13	3.155.373
Phụ cấp công vụ cán bộ đoàn thanh niên 10/2022		6101	811	361	13	202.268
Phụ cấp kiểm nhiệm phó bí thư đoàn 10/2022		6124	811	361	13	927.524
Lương cán bộ hội phụ nữ tháng 10/2022		6353	811	361	13	745.000
Phụ cấp công vụ CB hội phụ nữ tháng 10/2022		6101	812	361	13	4.490.338
Phụ cấp công vụ cán bộ hội phụ nữ tháng 10/2022		6101	812	361	13	202.268
Lương cán bộ hội Cựu chiến binh tháng 10/2022		6124	812	361	13	1.296.300
Phụ cấp công vụ CB hội Cựu chiến binh 10/2022		6001	814	361	13	5.474.705
Phụ cấp công vụ cán bộ hội CCB tháng 10/2022		6124	814	361	13	202.268
Lương cán bộ MTTQ tháng 10/2022		6001	820	361	13	1.568.225
Phụ cấp chức vụ MTTQ tháng 10/2022		6101	820	361	13	4.490.338
Phụ cấp công vụ cán bộ MTTQ tháng 10/2022		6124	820	361	13	269.690
Phụ cấp kiểm nhiệm phó chủ tịch MTTQ phường tháng 10/2022		6149	820	361	13	1.314.925
Tổng cộng					13	745.000
25.084.222						

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Hai mươi lăm triệu tám trăm hai mươi tư nghìn hai trăm hai đồng chẵn./.

Đơn vị nhận tiền: UBND PHƯỜNG ĐẠI YÊN

Địa chỉ: Tổ 2 - Khu Đại Dân - Phường Đại Yên - TP Hà Long - QN

Tại KBNN (NH): Hội sở Techcombank

Cấp ngày:

Nơi cấp:

Ngày...tháng...năm ...
Người nhận tiền
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Người ký: Lê Thị Ninh
Chức danh: Kế toán trưởng
Ngày ký: 12/10/2022 08:09:40
Đơn vị: Ủy ban nhân dân phường Đại Yên

Người ký: Nguyễn Bình Thiên
Chức danh: Chủ tịch HĐND
Ngày ký: 12/10/2022 09:46:07
Đơn vị: Ủy ban nhân dân phường Đại Yên

KHO BÁC NHÀ NƯỚC
Ngày 13 tháng 10 năm 2022
Kế toán trưởng
Người ký: Nguyễn Đăng Linh
Chức danh: Phó trưởng phòng
Ngày ký: 13/10/2022 08:14:10
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh

Giám đốc
Người ký: Lê Thị Hồng Vân
Chức danh: Phó giám đốc
Ngày ký: 13/10/2022 09:07:03
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh

Thủ quỹ
Kế toán

Mẫu số 16a1
Ký hiệu C2-02a/NS

Số: PR 0248/ 221012_1077464_2811006
Năm NS: 2022

GIẤY RÚT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Thực chi ☒

Tạm ứng ☐

Chuyển khoản ☒

Tiền mặt tại KB ☐

Tiền mặt tại NH ☐

Đơn vị rút dự toán: Ủy ban nhân dân phường Đại Yên

Tài khoản: 9527.4.1077464

Tại KBNN: VP KBNN Quảng Ninh

Tên CTMT, DA:

Mã CTMT, DA:

Số CKC, HĐK:

Số CKC, HĐTH:

Nội dung thanh toán	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Hoạt động phí đại biểu HĐND tháng 10/2022	6111	802	341	12	4.470.000
Phụ cấp bộ phận một cửa tháng 10/2022	6449	805	341	12	2.400.000
Phụ cấp chức vụ DQTV tháng 10/2022	6101	810	011	12	1.341.000
Phụ cấp thâm niên quốc phòng tháng 10/2022	6115	810	011	12	455.940
Phụ cấp đặc thù quốc phòng Trung đội trưởng cơ động tháng 10/2022	6116	810	011	12	149.000
Tổng cộng					8.815.940

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Tám triệu tám trăm mười lăm nghìn chín trăm bốn mươi đồng chẵn./.

Đơn vị nhận tiền: UBND PHƯỜNG ĐẠI YÊN

Địa chỉ: Tổ 2 - Khu Đại Đán - Phường Đại Yên - TP Hạ Long - QN

Tài khoản: 19030562168017

Tại KBNN (NH): Hội sở Techcombank

Hoặc người nhận tiền:

Số CMND:

Cấp ngày:

Nơi cấp:

PHẦN KBNN GHI

Nợ TK:

Có TK:

Nợ TK:

Có TK:

Nợ TK:

Có TK:

Mã ĐBHC:

Ngày...tháng...năm ...

Người nhận tiền

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 12 tháng 10 năm 2022

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

Người ký: Lê Thị Ninh
Ngày ký: 12/10/2022 08:09:40
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Ủy ban nhân dân phường Đại Yên

Lê Thị Ninh

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Người ký: Nguyễn Bình Thiên
Ngày ký: 12/10/2022 08:46:07
Chức danh: Chủ tài khoản
Đơn vị: Ủy ban nhân dân phường Đại Yên

Nguyễn Bình Thiên

Thủ quỹ

Kế toán

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 13 tháng 10 năm 2022

Kế toán trưởng

Người ký: Nguyễn Đăng Linh
Ngày ký: 13/10/2022 08:14:10
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh

Nguyễn Đăng Linh

Giám đốc

Người ký: Lê Thị Hồng Vân
Ngày ký: 13/10/2022 08:07:03
Chức danh: Phó giám đốc
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh

Lê Thị Hồng Vân

DANH SÁCH NGƯỜI CAO TUỔI ĐỀ NGHỊ CHÚC THỌ, MỪNG THỌ
NHÂN NGÀY NGƯỜI CAO TUỔI VIỆT NAM NĂM 2023
(Thọ 70,75, 80, 85, 90, 95, 100 và từ 101 tuổi trở lên)

TT	HỌ VÀ TÊN NGƯỜI CAO TUỔI	NĂM SINH	GIỚI TÍNH		ĐỊA CHỈ	
			Nam	Nữ	Khu	Phường, xã
I	THỌ 70 TUỔI					
1	Mai Xuân Chiến	1953	x		Tổ 2, khu 1	Đại Yên
2	Dương Văn Lũy	1953	x		Tổ 1, khu 2	Đại Yên
3	Hà Thị Giang	1953		x	Tổ 3, khu 2	Đại Yên
4	Trịnh Tiến Bảo	1953	x		Tổ 4, khu 2	Đại Yên
5	Trần Công Hoán	1953	x		Tổ 4, khu 2	Đại Yên
6	Nguyễn Đình Lập	1953	x		Tổ 2, khu 4	Đại Yên
7	Lê Thị Choi	1953		x	Tổ 3, khu 5	Đại Yên
8	Ngô Xuân Thành	1953	x		Tổ 3, khu 5	Đại Yên
9	Đào Xuân Đài	1953	x		Tổ 1, khu 6	Đại Yên
10	Nguyễn Xuân Hựu	1953	x		Tổ 2, khu 6	Đại Yên
11	Bùi Thị Phường	1953		x	Tổ 3, Yên Cư	Đại Yên
12	Phạm Thị Bàu	1953	x		Tổ 3, Yên Cư	Đại Yên
13	Lê Thị Nhòn	1953		x	Tổ 4, Quỳnh Trung	Đại Yên
14	Lê Thị Gái	1953		x	Tổ 3B, Đại Đán	Đại Yên
15	Lục Thị Mùi	1953		x	Tổ 3B, Đại Đán	Đại Yên
16	Nguyễn Quốc Quân	1953	x		Tổ 2, Đại Đán	Đại Yên
17	Lê Thị Doãn	1953		x	Tổ 3, Minh Khai	Đại Yên
18	Lê Huy Toàn	1953	x		Tổ 1, Minh Khai	Đại Yên
19	Bùi Đình Tường	1953	x		Tổ 2, Cầu Trắng	Đại Yên
20	Nguyễn Thị Thanh	1953		x	Tổ 1, Cầu Trắng	Đại Yên
21	Nguyễn Thị Thinh	1953		x	Tổ 1, Cầu Trắng	Đại Yên
22	Nguyễn Văn Tỳ	1953	x		Tổ 2, Cầu Trắng	Đại Yên
23	Nguyễn Thị Nhiên	1953		x	Tổ 3, Cầu Trắng	Đại Yên
24	Nguyễn Tuấn Khanh	1953	x		Tổ 3, Cầu Trắng	Đại Yên
25	Phạm Tiến Sánh	1953	x		Tổ 3, Cầu Trắng	Đại Yên
26	Vũ Thị Tuyết	1953		x	Tổ 1, Cầu Trắng	Đại Yên
27	Vũ Thị Xuyên	1953		x	Tổ 1, Cầu Trắng	Đại Yên

TT	HỌ VÀ TÊN NGƯỜI CAO TUỔI	NĂM SINH	GIỚI TÍNH		ĐỊA CHỈ	
			Nam	Nữ	Khu	Phường, xã
II	THỌ 75 TUỔI					
1	Nguyễn Thị Thuởng	1948		x	Tổ 3, khu 1	Đại Yên
2	Vũ Ngọc Lục	1948	x		Tổ 3, khu 1	Đại Yên
3	Nguyễn Bá Sáng	1948	x		Tổ 3, khu 1	Đại Yên
4	Phạm Thị Thục	1948		x	Tổ 3, khu 1	Đại Yên
5	Trần Thị Nhân	1948		x	Tổ 3, khu 1	Đại Yên
6	Vũ Thị Lịch	1948		x	Tổ 3, khu 1	Đại Yên
7	Lê Thị Bính	1948		x	Tổ 1, khu 2	Đại Yên
8	Hoàng Thị Tám	1948		x	Tổ 4, khu 2	Đại Yên
9	Bùi Thị Đào	1948		x	Tổ 3, khu 2	Đại Yên
10	Ngô Quang Hằng	1948	x		Tổ 4, khu 2	Đại Yên
11	Ninh Thị Mạc	1948		x	Tổ 2, khu 4	Đại Yên
12	Ninh Thị Hào	1948		x	Tổ 3, khu 4	Đại Yên
13	Trần Quang Thọ	1948	x		Tổ 2, khu 4	Đại Yên
14	Đinh Thị Bích	1948		x	Tổ 3, khu 4	Đại Yên
15	Đặng Minh Tâm	1948	x		Tổ 1, khu 4	Đại Yên
16	Phạm Ngọc Duy	1948	x		Tổ 3, khu 6	Đại Yên
17	Đỗ Thị Thúy	1948		x	Tổ 3, khu 6	Đại Yên
18	Phạm Văn Nhân	1948	x		Tổ 1, Yên Cư	Đại Yên
19	Nguyễn Xuân Thanh	1948	x		Tổ 2, Yên Cư	Đại Yên
20	Nguyễn Thị Đen	1948		x	Tổ 2, Yên Cư	Đại Yên
21	Trần Thị Mốt	1948		x	Tổ 2, Yên Cư	Đại Yên
22	Mai Thị Vuốt	1948		x	Tổ 2, Yên Cư	Đại Yên
23	Phạm Văn Thịnh	1948	x		Tổ 2, Yên Cư	Đại Yên
24	Nguyễn Thị Thành	1948		x	Tổ 2, Yên Cư	Đại Yên
25	Vũ Thị Lựu	1948		x	Tổ 2, Yên Cư	Đại Yên
26	Nguyễn Thị Sơn	1948		x	Tổ 3, Yên Cư	Đại Yên
27	Bùi Thị Thạm	1948		x	Tổ 3, Yên Cư	Đại Yên
28	Nguyễn Anh Kiệng	1948	x		Tổ 3, Quỳnh Trung	Đại Yên
29	Vũ Thị Sáng	1948		x	Tổ 1, Quỳnh Trung	Đại Yên
30	Nguyễn Văn Trung	1948	x		Tổ 2, Quỳnh Trung	Đại Yên
31	Nguyễn Thị Hiền	1948		x	Tổ 2, Quỳnh Trung	Đại Yên
32	Đặng Thị Cầm	1948		x	Tổ 3, Quỳnh Trung	Đại Yên

TT	HỌ VÀ TÊN NGƯỜI CAO TUỔI	NĂM SINH	GIỚI TÍNH		ĐỊA CHỈ	
			Nam	Nữ	Khu	Phường, xã
33	Nguyễn Thị Nhung	1948		x	Tổ 1, Đại Đán	Đại Yên
34	Trần Thị Tín	1948		x	Tổ 2, Đại Đán	Đại Yên
35	Trịnh Thị Sen	1948		x	Tổ 2, Đại Đán	Đại Yên
36	Nguyễn Thị Thê	1948		x	Tổ 1, Đại Đán	Đại Yên
37	Phạm Thị Lương	1948		x	Tổ 1, Đại Đán	Đại Yên
38	Lê Văn Giống	1948	x		Tổ 2, Minh Khai	Đại Yên
	THỌ 80 TUỔI					
1	Bùi Học Tịch	1943	x		Tổ 1, khu 1	Đại Yên
2	Đặng Ngọc Toàn	1943	x		Tổ 3, khu 1	Đại Yên
3	Đinh Thị Oanh	1943		x	Tổ 1, khu 1	Đại Yên
4	Nguyễn Thị Lan	1943		x	Tổ 3, khu 2	Đại Yên
5	Nguyễn Mạnh Đơn	1943	x		Tổ 1, khu 2	Đại Yên
6	Phạm Thị Thao	1943		x	Tổ 3, khu 2	Đại Yên
7	Tổng Thị Giang	1943		x	Tổ 2, khu 4	Đại Yên
8	Nguyễn Thị Mần	1943		x	Tổ 1, khu 4	Đại Yên
9	Kiều Quang Tươi	1943	x		Tổ 1, khu 4	Đại Yên
10	Nguyễn Thị Diệc	1943		x	Tổ 2, khu 4	Đại Yên
11	Bùi Xuân Diễm	1943	x		Tổ 2, khu 5	Đại Yên
12	Phạm Như Ý	1943	x		Tổ 3, khu 5	Đại Yên
13	Đỗ Văn Thơ	1943	x		Tổ 2, khu 6	Đại Yên
14	Nguyễn Thị Phụng	1943		x	Tổ 1, Yên Cư	Đại Yên
15	Đinh Vũ Dương	1943	x		Tổ 2, Quỳnh Trung	Đại Yên
16	Trần Thị Hới	1943		x	Tổ 2, Đại Đán	Đại Yên
17	Bùi Thị Mỹ	1943		x	Tổ 1, Đại Đán	Đại Yên
II	THỌ 85 TUỔI					
1	Mai Thị Liên	1938		x	Tổ 3, khu 1	Đại Yên
2	Lê Xuân Thiều	1938	x		Tổ 4A, khu 2	Đại Yên
3	Lê Thị Vân	1938		x	Tổ 4, khu 2	Đại Yên
4	Trần Quang Lãm	1938	x		Tổ 2, khu 4	Đại Yên
5	Nguyễn Thị Đính	1938	x		Tổ 2, khu 4	Đại Yên
6	Trần Thị Cao	1938		x	Tổ 3, khu 5	Đại Yên
7	Lê Thị Nuôi	1938		x	Tổ 2, khu 6	Đại Yên
8	Trương Thị Sáu	1938		x	Tổ 3, khu 6	Đại Yên

TT	HỌ VÀ TÊN NGƯỜI CAO TUỔI	NĂM SINH	GIỚI TÍNH		ĐỊA CHỈ	
			Nam	Nữ	Khu	Phường, xã
9	Trần Thị Cúc	1938		x	Tổ 2, Yên Cư	Đại Yên
10	Phạm Thị Dung	1938		x	Tổ 2, Yên Cư	Đại Yên
11	Nguyễn Hữu Phúc	1938	x		Tổ 3, Yên Cư	Đại Yên
12	Phạm Thị Huệ	1938	x		Tổ 3, Yên Cư	Đại Yên
13	Nguyễn Thị Đón	1938		x	Tổ 4, Quỳnh Trung	Đại Yên
14	Hà Thị Xíu	1938		x	Tổ 4, Quỳnh Trung	Đại Yên
15	Nguyễn Thị Nhâm	1938		x	Tổ 2, khu Đại Đán	Đại Yên
16	Phạm Văn Tự	1938	x		Tổ 1, khu Đại Đán	Đại Yên
17	Đỗ Thị Đức	1938		x	Tổ 2, khu Đại Đán	Đại Yên
18	Lê Thị Đạm	1938		x	Tổ 1, Minh Khai	Đại Yên
19	Ngô Văn Quảng	1938	x		Tổ 1, Minh Khai	Đại Yên
20	Trần Thị Tuấn	1938		x	Tổ 3, Cầu Trắng	Đại Yên
21	Đỗ Thị Thoa	1938		x	Tổ 1, Cầu Trắng	Đại Yên
22	Nguyễn Thị Xu	1938		x	Tổ 2, Cầu Trắng	Đại Yên
III THỌ 90 TUỔI						
1	Trần Thị Sầu	1933		x	Tổ 2, khu 1	Đại Yên
2	Đào Thị Tấn	1933		x	Tổ 3, khu 2	Đại Yên
3	Đỗ Quang Nhâm	1933	x		Tổ 1, khu 4	Đại Yên
4	Nguyễn Thị Bản	1933		x	Tổ 3, khu 5	Đại Yên
5	Phạm Thị Gái	1933		x	Tổ 3, khu 6	Đại Yên
6	Trần Thị Việt	1933		x	Tổ 2, khu 6	Đại Yên
7	Phạm Thị Điền	1933		x	Tổ 3, Yên Cư	Đại Yên
8	Phạm Thị Tân	1933		x	Tổ 1, Yên Cư	Đại Yên
9	Phạm Thị Phoi	1933		x	Tổ 4, Quỳnh Trung	Đại Yên
10	Trần Văn Hợi	1933	x		Tổ 2, Đại Đán	Đại Yên
11	Vũ Thị Mẽ	1933		x	Tổ 3, Minh Khai	Đại Yên
12	Lê Công Diễn	1933	x		Tổ 1, Minh Khai	Đại Yên
13	Bùi Thị Lựu	1933		x	Tổ 3, Minh Khai	Đại Yên
14	Đỗ Khắc	1933	x		Tổ 1, Minh Khai	Đại Yên
15	Dương Thị Phấn	1933		x	Tổ 3, Cầu Trắng	Đại Yên
IV THỌ 95 TUỔI						
1	Bùi Thị Quỳnh	1928		x	Tổ 4, khu 2	Đại Yên
2	Đỗ Thị Càng	1928		x	Tổ 1, khu 6	Đại Yên

TT	HỌ VÀ TÊN NGƯỜI CAO TUỔI	NĂM SINH	GIỚI TÍNH		ĐỊA CHỈ	
			Nam	Nữ	Khu	Phường, xã
3	Đàm Thị Tri	1928		x	Tổ 1, Yên Cư	Đại Yên
4	Nguyễn Thị Ty	1928		x	Tổ 2, Yên Cư	Đại Yên
5	Phạm Hữu Chuông	1928	x		Tổ 3, Yên Cư	Đại Yên
6	Nguyễn Văn Sơn	1928	x		Tổ 3, Quỳnh Trung	Đại Yên
7	Nguyễn Thị Hào	1928		x	Tổ 3, Minh Khai	Đại Yên
8	Lê Thị Nhiều	1928		x	Tổ 1, Cầu Trắng	Đại Yên
V	THỌ 100 TUỔI					
1	Nguyễn Thị Cảnh	1923		x	Tổ 2, khu 5	Đại Yên
VI	THỌ 101 TUỔI TRỞ LÊN					
1	Hoàng Thị Ngải	1922		x	Tổ 1, khu 4	Đại Yên
2	Vũ Thị Núi	1922		x	Tổ 4A, Quỳnh Trung	Đại Yên
3	Phạm Thị Chu	1922		x	Tổ 2, khu Đại Đán	Đại Yên
4	Trần Văn Chạ	1921	x		Tổ 2, khu Đại Đán	Đại Yên
132	Tổng cộng: 132cụ					

Đại Yên, ngày 28 tháng 10 năm 2022

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

NGƯỜI LẬP

HỘI NGƯỜI CAO TUỔI



Nguyễn Thị Hạnh



Nguyễn Tự Cường



Phạm Hồng Hải